

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	10,500 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	70.9%	54.5%	51.5%

DT thuần	2024		
	23.9	YoY	▼ 7.80
	tỷ VNĐ		▼ 24.6%

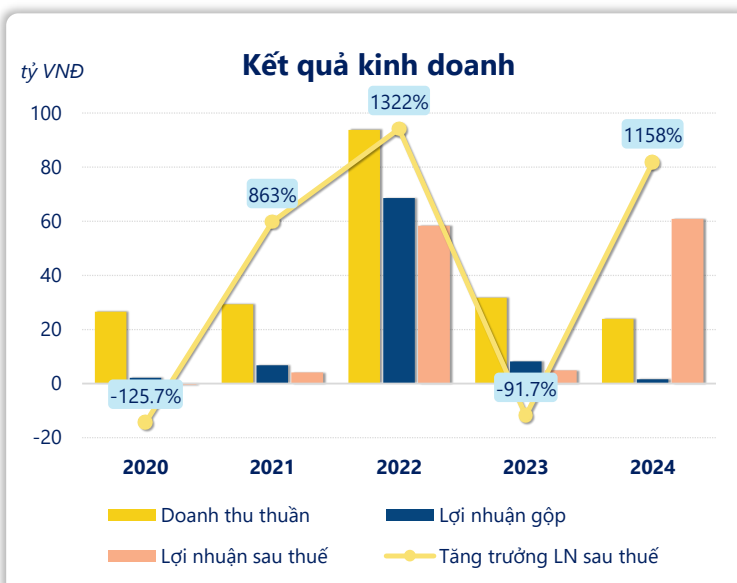
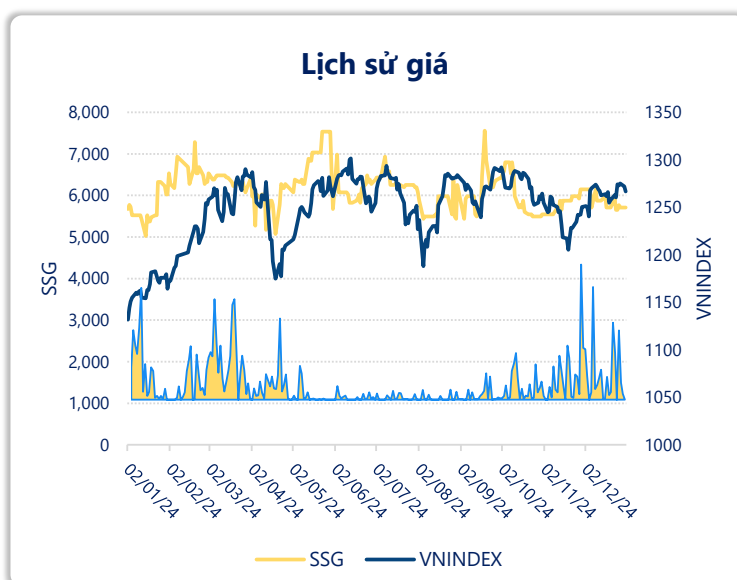
LN gộp	2024		
	1.61	YoY	▼ 6.52
	tỷ VNĐ		▼ 80.2%

LN thuần	2024		
	0.46	YoY	▼ 6.17
	tỷ VNĐ		▼ 93.0%

LN sau thuế	2024		
	60.8	YoY	▲ 56.0
	tỷ VNĐ		▲ 1158%

ROE	2024		
	73.4%	+/- YoY	▲ 65.5%

ROA	2024		
	65.1%	+/- YoY	▲ 58.7%

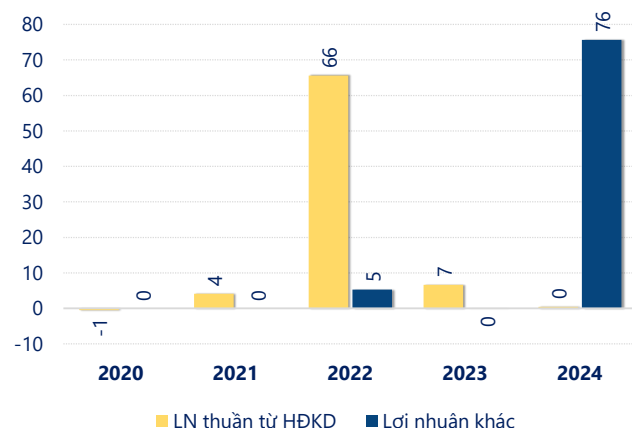


Năm **2024**, **SSG** ghi nhận doanh thu thuần **23.93** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **60.85** tỷ đồng, lần lượt **giảm 24.6%** và **tăng 1158%** so với năm trước.

Mặc dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng công ty vẫn đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận sau thuế cùng với **ROE** đạt **73.4%**. Cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty được tối ưu.

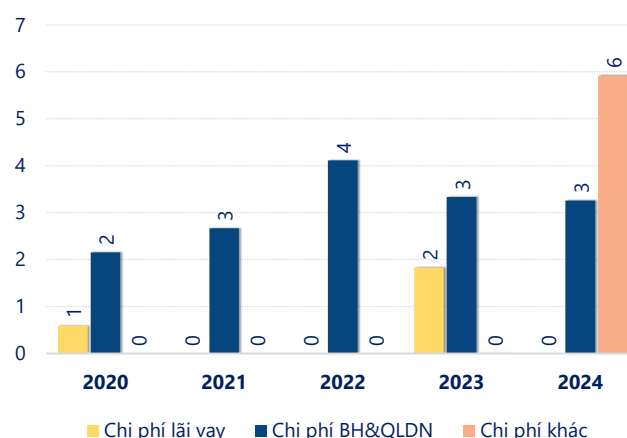
tỷ VNĐ

Cơ cấu lợi nhuận



tỷ VNĐ

Cơ cấu chi phí

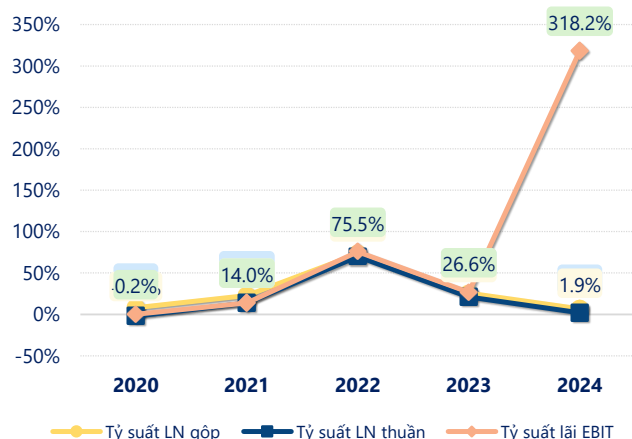


Năm **2024**, **SSG** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **0.46** tỷ đồng, **giảm đi 6.17** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (15.25 tỷ đồng) là 14.78 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

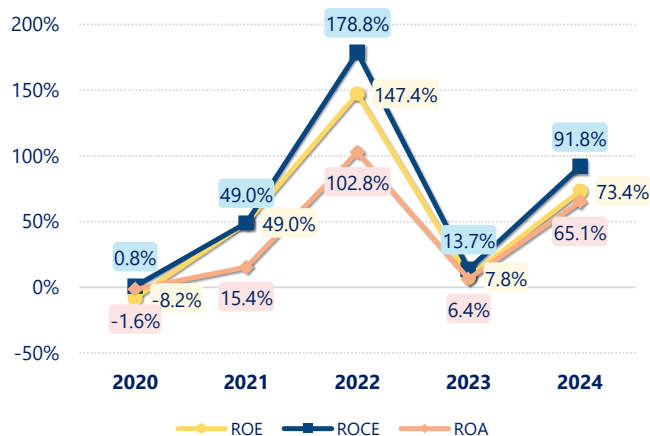
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.00** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **3.26** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **5.92** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của SSG năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **73.4%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.

Tỷ suất lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



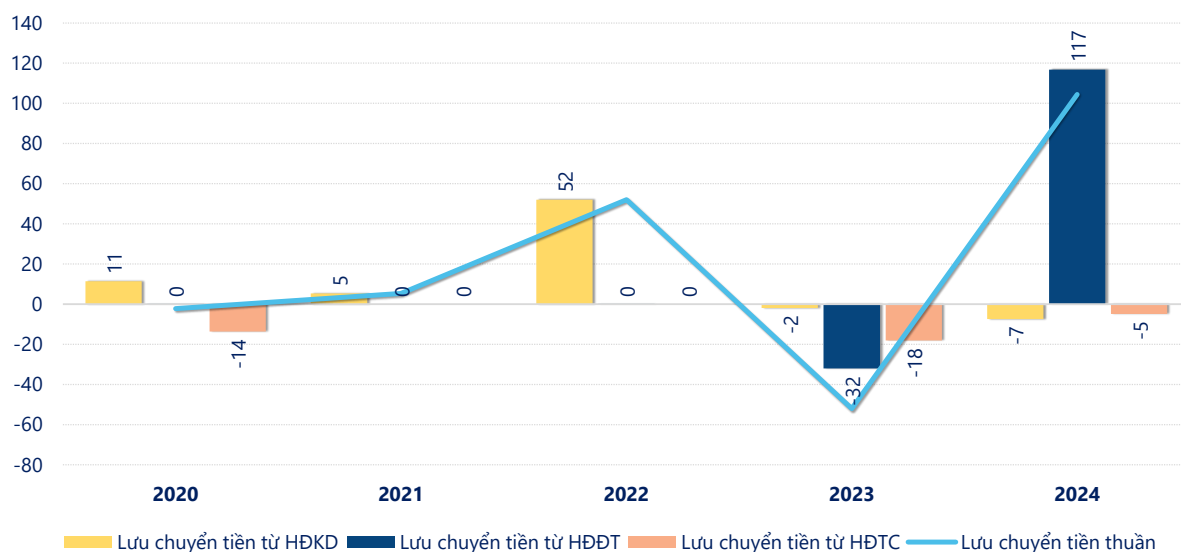
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	26.5	29.3	93.8	31.7	23.9
Giá vốn hàng bán	24.3	22.5	25.2	23.6	22.3
Lợi nhuận gộp	2.16	6.74	68.6	8.13	1.61
Doanh thu HĐTC	0.06	0.07	1.48	4.05	2.33
Chi phí TC	0.61	0.04	0.40	2.22	0.22
Chi phí lãi vay	0.59	0	0	1.83	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.33	0.37	1.16	0.42	0.30
Chi phí QLDN	1.82	2.30	2.95	2.91	2.96
LN thuần từ HĐKD	-0.54	4.11	65.6	6.63	0.46
Lợi nhuận khác	0	0	5.26	0.00	75.7
LN trước thuế	-0.54	4.11	70.8	6.63	76.1
Lợi nhuận sau thuế	-0.54	4.11	58.4	4.84	60.8
LNST của CĐ cty mẹ	-0.54	4.11	58.4	4.84	60.8

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của SSG bằng **104.4** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-52.01 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-7.40** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **116.7** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-4.90** tỷ đồng.